

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỘI AN
TỈNH QUẢNG NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2022/DS-ST

Ngày 29-6-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỘI AN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Như Biên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hoàn

2. Ông Nguyễn Như Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ba - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 114/2021/TL.ST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST-DS ngày 16/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1944

Địa chỉ: Số A, đường H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt*

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số D, đường P, phường S, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2021; bản tự khai và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Tôi là chủ sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ số A, đường H, phường C, thành phố H và được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà số 172412 ngày 29/9/2001. Do tuổi cao và có nợ xấu tại Ngân hàng, nên năm 2018, tôi đã ủy quyền cho con gái Nguyễn Thị P để P vay vốn tại ngân hàng. Sau đó, Nguyễn Thị P sử dụng tài sản

nhà và đất này thế chấp và đã vay ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng (nhưng P nói với tôi là vay 1.300.000.000 đồng). Số tiền này tôi cho con trai Nguyễn Hữu Ch mượn 1.100.000.000 đồng, cho con gái Nguyễn Thị Xuân L mượn 200.000.000 đồng. Đến năm 2020, Nguyễn Thị Xuân L tiếp tục sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở này để vay vốn ngân hàng. Cụ thể Xuân L vay ngân hàng bao nhiêu tôi không biết nhưng tại lần vay tiền này, Nguyễn Thị P có lấy trong khoản tiền vay của Xuân L 40.000.000 đồng. Sau này, Nguyễn Thị Xuân L nói lại với tôi vào năm 2018, Nguyễn Thị P vay ngân hàng 1.500.000.000 triệu đồng chứ không phải 1.300.000.000 đồng như P đã nói với tôi. Do đó tôi mới biết là Nguyễn Thị P đã lấy của tôi 200.000.000 đồng vào năm 2018. Đến năm 2020 khi Nguyễn Thị Xuân L vay vốn ngân hàng thì Nguyễn Thị P có lấy từ số tiền vay của Xuân L 40.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng hai lần Nguyễn Thị P mượn của tôi 240.000.000 đồng. Do không có tài liệu, chứng cứ nào về việc Nguyễn Thị P mượn tiền của tôi nên sau này tôi có điện thoại và ghi âm cuộc gọi giữa tôi và Nguyễn Thị P để làm chứng cứ khởi kiện. Nay tôi yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hội An giải quyết buộc con gái Nguyễn Thị P trả cho tôi 240.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị P đồng ý nhận Thông báo thụ lý vụ án và đồng ý nhận Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đồng ý trả lời ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C, chị P không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải do tòa án thông báo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hội An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, đã tạo điều kiện cho các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn chị Nguyễn Thị P không thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, không có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án. Các đương sự còn lại đã chấp hành tốt các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. **Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 119, 205, 206, 221, 223 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị C về việc buộc bị đơn chị Nguyễn Thị P phải trả số tiền nợ 340.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 240.000.000 đồng, nợ lãi 100.000.000 đồng). Về án phí, do bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng vay tài sản mà bị đơn có nơi cư trú tại phường S, thành phố H, nên Tòa án nhân dân thành phố Hội An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng Thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Thị C cho rằng chị Nguyễn Thị P mượn của bà hai lần với tổng số tiền 240.000.000 đồng. Theo bà C thì nguồn gốc khoản tiền mượn này xuất phát từ việc năm 2018, do Ngân hàng không đồng ý cho bà C vay vốn, nên bà đã ký vào một số giấy tờ có liên quan đến tài sản của bà là quyền sử dụng đất và nhà ở gắn liền với đất cho con gái Nguyễn Thị P để chị P thế chấp vay vốn ngân hàng. Sau đó, chị P vay ngân hàng số tiền 1.500.000.000 đồng, nhưng thông báo cho bà C chỉ vay 1.300.000.000 đồng mà thôi và chị P lấy 200.000.000 đồng trong khoản tiền vay này mà bà C không hề hay biết. Đến năm 2020, con gái bà C là chị Nguyễn Thị Xuân L tiếp tục sử dụng tài sản này để vay ngân hàng và chị P tiếp tục lấy từ chị Xuân L 40.000.000 đồng trong khoản vay này. Sự việc đến năm 2020, khi nghe chị Nguyễn Thị Xuân L nói lại thì bà C mới biết, nên bà C khởi kiện chị P, yêu cầu chị P trả lại cho bà 240.000.000 đồng và lãi 100.000.000 đồng. Tổng cộng là 340.000.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng mà bà C cho rằng chị Nguyễn Thị P mượn của bà hai lần với tổng số tiền 240.000.000: Căn cứ văn bản cung cấp thông tin số 130/CV-CNVPĐK ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thì "*Ngày 18/7/2009, Nguyễn Thị C nhận thừa kế theo pháp luật thừa đất số 19, tờ bản đồ 31, diện tích 132,2m² loại đất ở đô thị theo Văn bản phân chia di sản thừa kế số 1179/7, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD, đã được Văn phòng Công chứng H.A chứng thực... và đăng ký biến động vào Sổ Địa chính Nhà nước. Ngày 26/10/2018, bà Nguyễn Thị C lập hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà ở gắn liền với thửa đất số 19, tờ bản đồ 31, diện tích 132,2m² loại đất ở đô thị cho chị Nguyễn Thị P và được đăng ký biến động vào Sổ Địa chính Nhà nước tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H ngày 25/10/2018*", phù hợp với những tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được là Hợp đồng tặng cho quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất mở giữa người tặng cho là bà Nguyễn Thị C, bên nhận tặng cho là chị

Nguyễn Thị P được Văn phòng công chứng H.A chứng thực ngày 16/10/2018, số công chứng 03408, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2022, bà Nguyễn Thị C khai nhận tại thời điểm ký hồ sơ để chị P vay vốn ngân hàng, bà C hoàn toàn minh mẫn và tự nguyện. Do đó, quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị Nguyễn Thị P, chị P có những quyền của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 22/11/2018, chị Nguyễn Thị P thế chấp nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa số 19, tờ bản đồ 31, diện tích 132,2m² để vay vốn 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Nam, mục đích vay "nhu cầu vốn khác phục vụ SXKD", cùng ngày 22/11/2018, chị P tiếp tục vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Nam khoản tiền 500.000.000 đồng, mục đích "vay tiêu dùng có TSBD". Do đó, bà Nguyễn Thị C cho rằng tại thời điểm này, chị Nguyễn Thị P mượn của bà 200.000.000 đồng là không phù hợp, không có căn cứ pháp lý để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản tiền 40.000.000 đồng, bà C cho rằng chị P mượn của bà vào năm 2020, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 07/10/2020 chị Nguyễn Thị P lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa số 19, tờ bản đồ 31, diện tích 132,2m² cho chị Nguyễn Thị Xuân L, Hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng Công chứng thành phố chứng thực ngày 07/10/2020 và được đăng ký biến động vào Sổ Địa chính Nhà nước tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai H ngày 09/10/2020. Như vậy, nhà ở gắn liền với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 31, diện tích 132,2m² đã được chuyển dịch quyền sử dụng, quyền sở hữu cho chị Nguyễn Thị Xuân L. Qua xác minh, chị Nguyễn Thị Xuân L đã thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở này để vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quảng Nam số tiền 2.800.000.000 đồng (*Hai tỷ, tám trăm triệu đồng*). Do đó, bà Nguyễn Thị C cho rằng năm 2020 chị Nguyễn Thị P mượn của bà số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét chứng cứ của bà Nguyễn Thị C cung cấp là 01 USB kèm theo "*Bảng tường thuật nội dung cuộc nói chuyện liên quan đến khoản tiền bà Nguyễn Thị P đã lấy của gia đình*", bà C cho rằng nội dung Bảng tường thuật này được bà ghi âm lại cuộc nói chuyện điện thoại giữa bà C và chị P, Hội đồng xét xử thấy: USB mà bà C cho rằng là đoạn ghi âm giữa bà và chị P, đoạn băng ghi âm là tài liệu nghe được và phải được giám định bởi cơ quan có thẩm quyền mới được xem là chứng cứ hợp pháp, nhưng do chị P không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án để tham gia các buổi làm việc, hòa giải nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để cho rằng chị

Nguyễn Thị P có mượn của bà Nguyễn Thị C hai lần tổng cộng là 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*). Giữa bà Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị P không tồn tại một giao dịch dân sự nào liên quan đến vay mượn tài sản, không có sự kiện xảy ra bà C là người giao tiền, chị P là người nhận tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, tại hai thời điểm mượn tiền như trình bày của bà Nguyễn Thị C thì nhà ở và quyền sử dụng đất ở đều thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị Nguyễn Thị P và của chị Nguyễn Thị Xuân L. Do đó, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Nguyễn Thị C có cho chị Nguyễn Thị P mượn tiền. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C cho rằng Hợp đồng tặng cho giữa người tặng cho là bà Nguyễn Thị C, bên nhận tặng cho là chị Nguyễn Thị P được Văn phòng công chứng H.A chứng thực ngày 16/10/2018, số công chứng 03408, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD là một giao dịch dân sự giả tạo nhằm để che dấu một giao dịch khác thì bà C có quyền khởi kiện chị P bằng một quan hệ pháp luật khác.

[4] Từ những nhận định trên, do bà C và chị P không tồn tại một giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 116 Bộ luật Dân sự, nên nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu chị Nguyễn Thị P trả khoản nợ gốc 240.000.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu đồng*) và nợ lãi 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là không có căn cứ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, không phù hợp với quy định về nghĩa vụ của bên cho vay theo Điều 465 Bộ luật Dân sự nên không làm phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng do bà Nguyễn Thị C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 116, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P về việc buộc chị Nguyễn Thị P phải trả cho

bà Nguyễn Thị C 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) nợ gốc và 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) nợ lãi.

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (29/6/2022), chị Nguyễn Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND Tp Hội An;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Như Biên